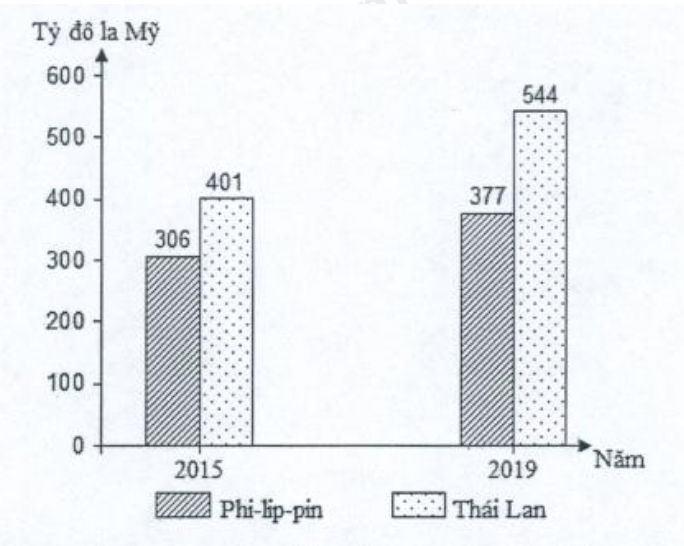
|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **ĐỀ THI THAM KHẢO** | **ĐỀ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  **NĂM 2022**  **Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI**  **Môn thi thành phần: Địa lý**  *Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề* |

**Câu 1:** Cho biểu đồ:



GDP CỦA PHI-LIP-PIN VÀ THÁI LAN NĂM 2015 VÀ 2019

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi GDP năm 2019 so với năm 2015 của Phi-lip-pin và Thái Lan?

**A.** Thái Lan tăng ít hơn Phi-lip-pin. **B.** Phi-lip-pin tăng gấp hai lần Thái Lan.

**C.** Thái Lan tăng và Phi-lip-pin giảm. **D.** Phi-lip-pin tăng chậm hơn Thái Lan.

**Câu 2:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây có khu kinh tế ven biển?

**A.** Đắk Nông. **B.** Gia Lai. **C.** Kon Tum. **D.** Quảng Ngãi.

**Câu 3:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp Cẩm Phả thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Thái Nguyên, **B.** Quảng Ninh. **C.** Lạng Sơn, **D.** Bắc Giang.

**Câu 4:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tỉnh nào sau đây có sân bay?

**A.** Bà Rịa - Vũng Tàu, **B.** Tây Ninh, **C.** Bình Phước, **D.** Long An.

**Câu 5:** Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MA-LAI-XI-A

*(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2016** | **2018** | **2019** |
| Xuất khẩu | 209,3 | 201,2 | 246,0 | 237,8 |
| Nhập khẩu | 186,6 | 181,1 | 221,9 | 210,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, cho biết Ma-lai-xi-a xuất siêu lớn nhất vào năm nào sau đây?

**A.** Năm 2015. **B.** Năm 2018, **C.** Năm 2016, **D.** Năm 2018,

**Câu 6:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết thành phố nào sau đây là đô thị đặc biệt?

**A.** Thái Nguyên. **B.** Hà Nội. **C.** Hạ Long. **D.** Hải Phòng.

**Câu 7:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao trên 2500m?

**A.** Kon Ka Kinh. **B.** Ngọc Kinh. **C.** Ngọc Linh. **D.** Chư Pha.

**Câu 8:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết ngành công nghiệp khai thác, chế biến lâm sản có ở trung tâm nào sau đây?

**A.** Phan Thiết. **B.** Nha Trang. **C.** Sóc Trăng **D.** Vũng Tàu,

**Câu 9:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết địa điểm nào sau đây nằm ở nơi đường số 8 gặp đường số 1?

**A.** Vinh. **B.** Thanh Hóa. **C.** Ninh Bình. **D.** Hồng Lĩnh.

**Câu 10:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có tổng số trâu và bồ lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

**A.** Hà Tĩnh. **B.** Nghệ An. **C.** Quảng Trị, **D.** Quảng Bình.

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết điểm du lịch nào sau đây nằm ở độ cao 0 - 50m?

**A.** Hoàng Liên. **B.** Sa Pa. **C.** Ba Bể. **D.** Cát Bà.

**Câu 12:** Hoạt động khai thác dầu khí ở Đông Nam Bộ hiện nay được tiến hành tại

**A.** các đảo. **B.** bờ biển. **C.** các quần đảo. **D.** thềm lục địa.

**Câu 13:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào có lượng mưa trung bình năm lớn nhất trong các địa điểm sau đây?

**A.** Huế. **B.** Hà Nội. **C.** Hà Tiên, **D.** TP. Hồ Chí Minh,

**Câu 14:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết tỉnh nào sau đây có cảng Quy Nhơn?

**A.** Quảng Nam. **B.** Bình Định. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Khánh Hòa.

**Câu 15:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện Hòa Bình nằm ở trên sông nào sau đây?

**A.** Sông Gâm. **B.** Sông Chu, **C.** Sông Lô, **D.** Sông Đà,

**Câu 16:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây có đường bờ biển?

**A.** Lạng Son. **B.** Hà Giang. **C.** Quảng Ninh **D.** Cao Bằng

**Câu 17:** Khí tự nhiên ở nước ta được dùng làm nhiên liệu cho

**A.** nhiệt điện. **B.** thủy điện, **C.** điện mặt trời. **D.** điện gió.

**Câu 18:** Vùng đồi trung du nước ta là nơi thường có

**A.** nhiễm mặn đất. **B.** sạt lở bờ biển. **C.** xói mòn đất. **D.** sóng thần.

**Câu 19:** Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay

**A.** chỉ có khai khoáng. **B.** tương đối đa dạng. **C.** chỉ có chế biến. **D.** có ít ngành.

**Câu 20:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây chảy qua Yên Bái?

**A.** Sông Cả. **B.** Sông Hồng. **C.** Sông Mã. **D.** Sông Chu,

**Câu 21:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Lao Bảo thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Quảng Trị, **B.** Quảng Bình. **C.** Nghệ An. **D.** Hà Tĩnh.

**Câu 22:** Biện pháp mở rộng rừng sản xuất ở nước ta là

**A.** khai thác **B.** tăng rừng đầu nguồn. **C.** trồng mới. **D.** tăng vườn quốc gia.

**Câu 23:** Sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay theo xu hướng

**A.** giảm chăn nuôi, tăng ngành trồng trọt. **B.** tăng công nghiệp, giảm nông nghiệp.

**C.** giảm chế biến, tăng việc khai khoáng. **D.** tăng ngành dịch vụ, giảm công nghiệp.

**Câu 24:** Hoạt động đánh bắt thủy sản của nước ta hiện nay

**A.** chỉ tập trung ở các vùng biển. **B.** hoàn toàn phục vụ xuất khẩu.

**C.** chủ yếu phát triển ở sông suối. **D.** có nhiều sản phẩm khác nhau.

**Câu 25:** Sản xuất lương thực ở nước ta hiện nay

**A.** phát triển theo hướng cơ giới hóa. **B.** chỉ tập trung tại vùng đồng bằng.

**C.** chỉ đầu tư phát triển cây hoa màu. **D.** hoàn toàn phục vụ cho xuất khẩu.

**Câu 26:** Hoạt động du lịch biển của nước ta hiện nay

**A.** hoàn toàn do tư nhân thực hiện, **B.** tập trung chủ yếu ở các hải đảo.

**C.** hầu hết chỉ có du khách nội địa. **D.** có loại hình ngày càng đa dạng.

**Câu 27:** Lãnh thổ toàn vẹn của nước ta bao gồm

**A.** vùng biển, vùng trời và quần đảo, **B.** vùng đất, vùng biển và vùng trời.

**C.** đất liền, vùng biển và các hải đảo. **D.** phần đất liền, hải đảo và vùng trời.

**Câu 28:** Mạng lưới đô thị nước ta hiện nay

**A.** có rất nhiều thành phố cực lớn. **B.** sắp xếp theo các cấp khác nhau.

**C.** phân bố đều khắp ở trong nước. **D.** phát triển mạnh ở vùng đồi núi.

**Câu 29:** Lao động nông thôn nước ta hiện nay

**A.** hầu hết đã qua đào tạo nghề nghiệp. **B.** có số lượng lớn hơn khu vực đô thị.

**C.** phần nhiều đạt mức thu nhập rất cao. **D.** chỉ hoạt động trong ngành trồng trọt.

**Câu 30:** Hoạt động viễn thông nước ta hiện nay

**A.** chỉ phục vụ cho cơ sở sản xuất. **B.** phát triển đồng đều ở các vùng.

**C.** có sự phát triển nhanh vượt bậc. **D.** có trình độ công nghệ chưa cao,

**Câu 31:** Mục đích chủ yếu của việc phát triển các khu kinh tế ven biển ở Bắc Trung Bộ là

**A.** đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh công nghiệp, phân bố lại dân cư,

**B.** tăng sản phẩm hàng hóa, tạo thêm các việc làm, hình thành đô thị.

**C.** đẩy mạnh xuất khẩu, thay đổi phân bố sản xuất, phát huy thế mạnh,

**D.** chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, thu hút đầu tư, sản xuất hàng hóa.

**Câu 32:** Mục đích chủ yếu của việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** phát triển kinh tế, sử dụng hợp lí tự nhiên, **B.** tạo nhiều nông sản, phát huy các thế mạnh.

**C.** tăng sản phẩm hàng hóa, đa dạng sản xuất, **D.** cải tạo đất, đẩy mạnh hoạt động trồng trọt.

**Câu 33:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển nông nghiệp chuyên canh ở Tây Nguyên là

**A.** tăng nguồn thu nhập, phát triển hàng hóa, **B.** đa dạng nông sản, tăng cường xuất khẩu,

**C.** bảo vệ đất, tạo phương thức sản xuất mới, **D.** phát huy thế mạnh, gắn liền với chế biến.

**Câu 34:** Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có thành phần thực vật cận nhiệt chủ yếu do tác động của

**A.** địa hình, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, đất đa dạng,

**B.** nhiệt độ về mùa đông hạ thấp, địa hình vùng đồi núi rộng, vị trí địa lí.

**C.** vị trí địa lí, địa hình, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh,

**D.** những lưu vực sông có diện tích rộng, gió mùa Đông Bắc, các núi cao,

**Câu 35:** Cho bảng số liệu:

SỐ GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC THEO GIỚI TÍNH CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 – 2019

*(Đơn vị: Nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2016** | **2018** | **2019** |
| Nam | 36,9 | 37,7 | 36,5 | 36,4 |
| Nứ | 32,7 | 35,1 | 36,8 | 36,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu số giảng viên đại học theo giới tính của nước ta giai đoạn 2015 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp. **B.** Đường. **C.** Miền, **D.** Cột

**Câu 36:** Ý nghĩa chủ yếu của phát triển giao thông đường bộ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** gắn với khu công nghiệp, phục vụ xuất khẩu, **B.** tạo cơ sở phân bố dân cư, hình thành đô thị,

**C.** nâng cao năng lực vận tải, phát triển kinh tế, **D.** nối liền với các nước, đẩy mạnh giao thương.

**Câu 37:** Giải pháp chủ yếu phát triển cây rau quả cận nhiệt theo hướng hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** dùng các giống mới, nâng cao sản lượng, trồng trọt chuyên canh.

**B.** đẩy mạnh tiếp thị sản phẩm, sử dụng kĩ thuật mới, tăng diện tích.

**C.** đẩy mạnh việc chế biến, sản xuất tập trung, phát triển thị trường.

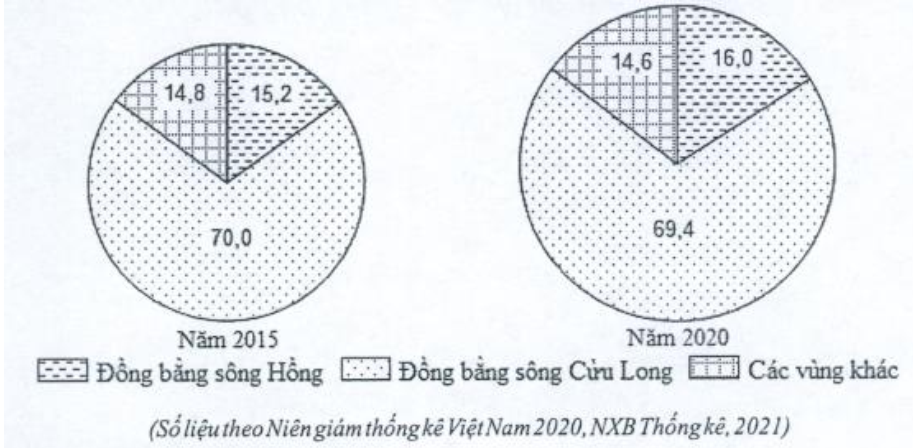
**D.** tăng năng suất, hình thành vùng chuyên canh, đa dạng sản phẩm,

**Câu 38:** Xuất khẩu của nước ta hiện nay tăng trưởng mạnh chủ yếu do

**A.** mở rộng giao thương, liên kết các nước. **B.** đổi mới sản xuất, có nhiều thành phần

**C.** phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế sâu. **D.** tăng cường đầu tư, tạo nhiều hàng hóa.

**Câu 39:** Cho biểu đồ về sản lượng thủy sản nuôi trồng theo vùng của nước ta năm 2015 và 2020



**A.** Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản nuôi trồng,

**B.** Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng,

**C.** Quy mô và cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng,

**D.** Tốc độ tăng trưởng và thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng.

**Câu 40:** Hướng chủ yếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng là

**A.** thúc đẩy kinh tế trang trại, mở rộng cây ăn quả, **B.** chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, tăng cường vụ đông,

**C.** thúc đẩy sản xuất hàng hóa, sử dụng đất hợp lí. **D.** đa dạng hóa nông sản, tăng cường cây rau màu.

**-------------- HẾT -------------**

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.D** | **2.D** | **3.B** | **4.A** | **5.D** | **6.B** | **7.C** | **8.A** | **9.D** | **10.B** |
| **11.D** | **12.D** | **13.A** | **14.B** | **15.D** | **16.C** | **17.A** | **18.C** | **19.B** | **20.B** |
| **21.A** | **22.C** | **23.B** | **24.D** | **25.A** | **26.D** | **27.B** | **28.B** | **29.B** | **30.C** |
| **31.D** | **32.A** | **33.A** | **34.C** | **35.C** | **36.C** | **37.C** | **38.C** | **39.C** | **40.B** |

**Câu 1 (TH):**

**Phương pháp:** Kỹ năng nhận xét biểu đồ

**Cách giải:**

Giai đoạn 2015-2019, GDP Philippin tăng từ 306 tỷ đô lên 377 tỷ đô, tăng 61 tỷ đô, tăng 1,23 lần; GDP Thái Lan tăng từ 401 tỷ đô lên 544 tỷ đô; tăng 141 tỷ đô, tăng 1,36 lần

⟹ GDP Philippin tăng chậm hơn Thái Lan

**Chọn D.**

**Câu 2 (NB):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 17

**Cách giải:**

Tỉnh Quảng Ngãi có khu kinh tế ven biển

**Chọn D.**

**Câu 3 (NB):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 26

**Cách giải:**

Trung tâm công nghiệp Cẩm Phả thuộc tỉnh Quảng Ninh

**Chọn B.**

**Câu 4 (NB):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 29

**Cách giải:**

Bà Rịa – Vũng Tàu có sân bay

**Chọn A.**

**Câu 5 (TH):**

**Phương pháp:** Kỹ năng nhận xét biểu đồ

**Cách giải:**

Giá trị xuất siêu = giá trị xuất khẩu – giá trị nhập khẩu

⟹ Giá trị xuất siêu qua từng năm của Malaixia là: 2015: 209,3-186,6 = 22,7 tỷ đô; tương tự năm 2016 là: 20,1 tỷ đô; năm 2018 là 24,1 tỷ đô; năm 2019 là 27,1 tỷ đô

⟹ xuất siêu lớn nhất năm 2019

**Chọn D.**

**Câu 6 (NB):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 15

**Cách giải:**

Hà Nội là đô thị đặc biệt

**Chọn B.**

**Câu 7 (NB):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 14

**Cách giải:**

Đỉnh Ngọc Linh cao 2598m

**Chọn C.**

**Câu 8 (NB):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 21

**Cách giải:**

Công nghiệp khai thác, chế biến lâm sản có ở Phan Thiết

**Chọn A.**

**Câu 9 (NB):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 23

**Cách giải:**

Đường số 8 gặp đường 1 tại Hồng Lĩnh

**Chọn D.**

**Câu 10 (NB):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 19

**Cách giải:**

Nghệ An là tỉnh có tổng số trâu bò lớn nhất cả nước

**Chọn B.**

**Câu 11 (TH):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 25

**Cách giải:**

Cát Bà là địa điểm du lịch có độ cao 0-50m; câc địa điểm còn lại đều là các điểm du lịch trên núi

**Chọn D.**

**Câu 12 (NB):**

**Phương pháp:** Kiến thức về một số ngành công nghiệp trọng điểm

**Cách giải:**

Hoạt động khai thác dầu khí ở Đông Nam Bộ được tiến hành trên thềm lục địa

**Chọn D.**

**Câu 13 (NB):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 9

**Cách giải:**

Huế có lượng mưa lớn nhất, lượng mưa trung bình năm >2800mm

**Chọn A.**

**Câu 14 (NB):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 28

**Cách giải:**

Quy Nhơn thuộc Bình Định

**Chọn B.**

**Câu 15 (NB):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 22

**Cách giải:**

Thủy điện Hòa Bình nằm trên sông Đà

**Chọn D.**

**Câu 16 (NB):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 4-5

**Cách giải:**

Quảng Ninh giáp biển, có đường bờ biển dài.

**Chọn C.**

**Câu 17 (NB):**

**Phương pháp:** Kiến thức về một số ngành công nghiệp trọng điểm

**Cách giải:**

Khí tự nhiên được dùng làm nhiên liệu cho nhiệt điện

**Chọn A.**

**Câu 18 (NB):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Đất nước nhiều đồi núi hoặc Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai

**Cách giải:**

Vùng đồi trung du nước ta thường bị xói mòn đất

**Chọn C.**

**Câu 19 (NB):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Cơ cấu ngành công nghiệp

**Cách giải:**

Cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta tương đối đa dạng

**Chọn B.**

**Câu 20 (NB):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 10

**Cách giải:**

Sông Hồng chảy qua Yên Bái

**Chọn B.**

**Câu 21 (NB):**

**Phương pháp:** Sử dụng Atlat Địa lý Việt Nam trang 27

**Cách giải:**

Khu kinh tế Lao Bảo thuộc tỉnh Quảng Trị

**Chọn A.**

**Câu 22 (NB):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

**Cách giải:**

Biện pháp mở rộng rừng sản xuất ở nước ta là trồng mới và phát triển rừng sản xuất

**Chọn C.**

**Câu 23 (NB):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

**Cách giải:**

Sự thay đổi tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay là giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ

**Chọn B.**

**Câu 24 (TH):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Vấn đề phát triển ngành thủy sản và lâm nghiệp

**Cách giải:**

Hoạt động đánh bắt thủy sản của nước ta hiện nay có nhiều sản phẩm khác nhau như tôm, cá, sò điệp, cua, ghẹ, nhiều đặc sản khác…

**Chọn D.**

**Câu 25 (TH):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài vấn đề phát triển nông nghiệp

**Cách giải:**

Sản xuất lương thực nước ta hiện nay phát triển theo hướng cơ giới hóa, đưa máy móc, thiết bị vào phục vụ sản xuất (ngoài ra còn có thủy lợi hóa, hóa học hóa…)

**Chọn A.**

**Câu 26 (TH):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Vấn đề phát triển du lịch và thương mại

**Cách giải:**

Hoạt động du lịch biển ở nước ta có loại hình ngày càng đa dạng (du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thể thao…)

**Chọn D.**

**Câu 27 (NB):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ

**Cách giải:**

Lãnh thổ toàn vẹn nước ta bao gồm vùng đất, vùng biển, vùng trời

**Chọn B.**

**Câu 28 (TH):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Đô thị hóa

**Cách giải:**

Mạng lưới đô thị nước ta hiện nay được sắp xếp theo phân cấp (6 loại: loại đặc biệt, loại 1,2,3,4,5; căn cứ phân cấp quản lý chia thành đô thị trực thuộc TW, đô thị trực thuộc tỉnh)

**Chọn B.**

**Câu 29 (TH):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Lao động và việc làm

**Cách giải:**

Lao động nước ta hiện nay vẫn tập trung chủ yếu ở nông thôn ⟹ lao động nông thôn có số lượng lớn hơn khu vực đô thị

**Chọn B.**

**Câu 30 (TH):**

**Phương pháp:** Kiến thức về Giao thông vận tải và Thông tin liên lạc

**Cách giải:**

Hoạt động viễn thông nước ta hiện nay có sự phát triển nhanh vượt bậc và đón đầu được các thành tựu kĩ thuật hiện đại

**Chọn C.**

**Câu 31 (VDC):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ

**Cách giải:**

Mục đích chủ yếu của việc phát triển các khu kinh tế ven biển là thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chuyển dịch cơ  cấu công nghiệp, sản xuất hàng hóa, tạo động lực phát triển cho vùng

**Chọn D.**

**Câu 32 (VD):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở ĐBSCL

**Cách giải:**

Mục đích chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở ĐBSCL là thích nghi với các điều kiện sinh thái của vùng, sử dụng hợp lý tự nhiên (đất, nguồn nước…) phát trển kinh tế vùng

**Chọn A.**

**Câu 33 (VD):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên

**Cách giải:**

Phát triển nông nghiệp chuyên canh ở Tây Nguyên giúp tăng nguồn thu nhập cho người dân bản địa, thu hút hàng vạn lao động từ các vùng khác nhau; phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa, tạo khối lượng sản phẩm lớn phục vụ xuất khẩu, nâng cao giá trị nông sản

**Chọn A.**

**Câu 34 (VD):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Thiên nhiên phân hóa đa dạng

**Cách giải:**

Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có thành phần thực vật cận nhiệt đới do phần lãnh thổ phía bắc có vĩ độ cao, chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh nên thành phần loài có cả thực vật cận nhiệt, ôn đới; bên cạnh đó địa hình phân hóa đủ 3 đai cao cũng làm cho thành phần thực vật đa dạng, bao gồm cả thành phần nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới

**Chọn C.**

**Câu 35 (TH):**

**Phương pháp:** Kĩ năng nhận diện biểu đồ

**Cách giải:**

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu qua nhiều năm (> 3 năm) là biểu đồ miền

⟹ Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu số giảng viên đại học theo giới tính nước ta giai đoạn 2015-2019 là biểu đồ miền

**Chọn C.**

**Câu 36 (VDC):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở DHNTB

**Cách giải:**

Việc phát triển giao thông vận tải đường bộ ở DHNTB (tức là cả các tuyến đường B\_N và các tuyến đường ngang) mang lại ý nghĩa về việc tăng đáng kể khả năng vận chuyển Bắc – Nam, Đông –Tây, tạo sức hút lớn cho các luồng vận tải; từ đó tạo những thay đổi lớn trong phát triển kinh tế - xã hội

**Chọn C.**

**Câu 37 (VD):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Vấn đề khai thác thế mạnh ở TDMNBB

**Cách giải:**

Giải pháp chủ yếu phát triển cây rau quả cận nhiệt theo hướng hàng hóa ở TDMNBB là đẩy mạnh chế biến (do mạng lưới các cơ sở chế biên chưa tương xứng với thế mạnh của vùng), sản xuất tập trung, phát triển thị trường (đặc trưng của sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa)

**Chọn C.**

**Câu 38 (VD):**

**Phương pháp:** Kiến thức bài Vấn đề phát triển thương mại và du lịch

**Cách giải:**

Xuất khẩu nước ta hiện nay tăng trưởng mạnh do mở rộng và đa dạng hóa thị trường (nhờ hội nhập quốc tế sâu rộng) và sản xuất trong nước phát triển (phát triển kinh tế) tạo ra khối lượng hàng hóa lớn

**Chọn C.**

**Câu 39 (TH):**

**Phương pháp:** Kĩ năng nhận diện biểu đồ

**Cách giải:**

Biểu đồ tròn có kích thước khác nhau thường thể hiện quy mô (thông qua kích thước hình tròn) và cơ cấu

⟹ Biểu đồ đã cho thể hiện quy mô và cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng theo vùng của nước ta năm 2015 và 2020

**Chọn C.**

**Câu 40 (VDC):**

**Phương pháp:** Vận dụng kiến thức về Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở ĐBSH (sgk Địa lý 12); Vốn đất và sử dụng vốn đất (sgk Địa lý 12 nâng cao/T109)

**Cách giải:**

Đất nông nghiệp ơt Đồng bằng sông Hồng đang được thâm canh ở mức cao, hiện nay đang có sự chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, đẩy mạnh phát triển vụ đông thành vụ chính, sản xuất các loại cây thực phẩm hàng hóa

**Chọn B.**